| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH BA**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

***Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST***
***Ngày 19 tháng 01 năm 2022***
*V/v "Xác định cha cho con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Tạ Hồng Tuấn**
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu
***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ
***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc *"Xác định cha cho con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2022/TB-TA ngày 04/01/2022 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N** - Sinh năm 1993
Nơi cư trú: Khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Vi Công T** - Sinh năm 1997
Nơi cư trú: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh **Nguyễn Văn T**; sinh năm 1989
Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ
*Có mặt chị N và anh T. Vắng mặt anh T..*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

- Chị và anh Vi Công T kết hôn với nhau ngày 02/2/2018. Sau khi kết hôn với anh T, chị có sinh 01 con là cháu Vi Đức H; sinh ngày 04/3/2018. Cho đến ngày 14/8/2018, chị và anh T đã được Tòa án nhân dân huyện T xét xử cho ly hôn. Về con Tòa án xác nhận chị và anh T có 01 con chung là Vi Đức H; sinh ngày 04/3/2018 và giao cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con sau ly hôn, anh T có quyền đi lại thăm nom con theo quy định.

Tuy nhiên, trước khi kết hôn với anh Vi Công T thì chị đã có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Văn T, khi đăng ký kết hôn với anh T chị đã mang thai và cháu Vi Đức H được sinh ra trong thời gian chị và anh T đang là vợ chồng nhưng thực tế cháu Vi Đức H không phải là con của anh T mà là con của chị với anh Nguyễn Văn T. Do anh T không đồng ý nên chị đã yêu cầu Tòa án giám định ADN để chứng minh cháu H là con của anh T. Nay chị và anh Nguyễn Văn T đã là vợ chồng, để bảo vệ lợi ích hợp pháp lâu dài cho cháu H vì vậy chị yêu cầu Tòa án xác nhận cháu Vi Đức H không phải con của anh Vi Công T mà là con của chị với anh Nguyễn Văn T.

* Bị đơn là anh Vi Công T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời trình bày thể hiện quan điểm như sau: Anh và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ tháng 4/2017, đến tháng 2/2018 thì đăng ký kết hôn và cho đến ngày 04/3/2018 thì chị Ngà sinh cháu Vi Đức H. Giấy khai sinh của cháu H ghi rõ họ tên bố là Vi Công T và mẹ là Nguyễn Thị N. Khi anh và chị N được Tòa án xét xử cho ly hôn, do cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi nên Tòa án đã giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh xác định cháu Vi Đức H được sinh ra trong thời kỳ anh và chị N đang là vợ chồng vì vậy là con chung. Nay chị N yêu cầu xác định anh không phải là bố đẻ cháu H thì chị N phải có chứng cứ, nếu giám định ADN thì phải có đủ 03 người là anh, cháu H và anh T cùng đi giám định trực tiếp, lấy kết quả ngay.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T xác nhận hiện nay anh và chị Nguyễn Thị N đã đăng ký kết hôn và đang là vợ chồng. Anh và chị N có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2017, sau đó chị N kết hôn với anh Vi Công T. Trong thời gian chị N và anh T là vợ chồng có sinh được cháu Vi Đức H nhưng thực tế anh biết cháu Vi Đức H không phải là con đẻ của anh T mà là con đẻ của anh với chị N. Nay chị N yêu cầu xác định cháu Vi Đức H; sinh ngày 04/3/2018 là con của anh với chị N là hoàn toàn đúng vì vậy anh cũng yêu cầu Tòa án xác định anh là bố đẻ của cháu Vi Đức H.

* Sau khi kết thúc phần tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã phát biểu quan điểm: Xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, xác định cháu Vi Đức H là con đẻ của anh Nguyễn Văn T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ đơn yêu cầu xác định cha cho của chị Nguyễn Thị N, do các đương sự không tự thống nhất giải quyết được với nhau và đã phát sinh tranh chấp vì vậy Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tòa án cũng đã triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Vi Công T vắng mặt, anh T có ủy quyền cho ông Vi Hồng T đại diện. Tuy nhiên, đây là tranh chấp về quan hệ Hôn nhân và gia đình, là quyền về nhân thân của cá nhân nên theo quy định của pháp luật đương sự không được ủy quyền do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự: Trong thời gian chị N và anh T là vợ chồng đã sinh được 01 con là Vi Đức H; sinh ngày 04/3/2018. Ngày 14/8/2018, chị N và anh T ly hôn, Tòa án đã xác nhận cháu Vi Đức H là con chung của chị N với anh T và giao cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay chị N xác định cháu Vi Đức H không phải là con của anh Vi Công T mà là con của chị với anh Nguyễn Văn T. Do chị N và anh T không thống nhất được nên chị N đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định ADN của cháu Vi Đức H và anh Nguyễn Văn T.

Về phía anh Vi Công T không đồng ý với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N mà yêu cầu phải đủ 03 người là anh T, cháu H, anh T phải cùng đi giám định trực tiếp ADN và lấy kết quả ngay nhưng phía chị N, anh T không đồng ý vì cho rằng như vậy là không cần thiết.

Xét yêu cầu giám định của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ, việc giám định ADN là cần thiết và là chứng cứ quan trọng để giải quyết vụ án. Do anh T không đồng ý cho lấy mẫu giám định nên Tòa án đã tiến hành lấy mẫu giám định của cháu H và anh T. Căn cứ quy định của pháp luật, Tòa án đã Quyết định Trưng cầu Viện Pháp y Quốc gia giám định ADN của cháu H và anh T. Tại bản Kết luận giám định pháp y về ADN số 411/TC-ADN ngày 26/10/2021 của Viện Pháp y Quốc gia - Bộ Y tế đã kết luật: ***"Anh Nguyễn Văn T có quan hệ huyết thống cha con với cháu Vi Đức H, độ tin cậy 99,9999%".***

Như vậy, mặc dù cháu Vi Đức H được sinh ra trong thời gian chị N và anh T đang là vợ chồng, Giấy khai sinh của cháu H và Bản án ly hôn của Tòa án thể hiện cháu H là con của anh T nhưng căn cứ vào kết quả giám định pháp y về ADN có đủ cơ sở để xác định cháu Vi Đức H; sinh ngày 04/3/2018 có quan hệ huyết thống cha con với anh Nguyễn Văn T và anh T chính là cha đẻ của cháu H vì vậy yêu cầu của chị Nguyễn Thị N được chấp nhận.

Do đã xác định anh T là cha đẻ của cháu H, hiện nay chị N và anh T đã là vợ chồng vì vậy chị N và anh T có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho cháu Huy theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Các đương sự không ai phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Thị N là người có đơn yêu cầu giám định vì vậy đã nộp toàn bộ tiền tạm ứng chi phí cho việc giám định và tự nhận chịu toàn bộ chi phí này, đề nghị Tòa án không quyết định trong bản án. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận.

[5]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là đúng pháp luật nên Hội đồng xét chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**- Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Xác định cháu Vi Đức H; sinh ngày 04/3/2018 là con đẻ của anh Nguyễn Văn T.

Chị Nguyễn Thị N là mẹ đẻ cháu H, hiện đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H và anh Nguyễn Văn T là cha đẻ của cháu Huy có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho cháu Vi Đức H theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí**: Các đương sự không ai phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Đông Thành, h. Thanh Ba;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Tạ Hồng Tuấn**